TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/20118/HNGĐ-ST
Ngày 29-6-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Mạnh

Ông Nguyễn Thành Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 93/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1289/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị T; nơi cư trú: CHLB Đức; nơi tạm trú: Thôn 2, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh Trần Huy Th; nơi cư trú: CHLB Đức.

Chị T và anh Th vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày:

Chị Trịnh Thị T và anh Trần Huy Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 03 tháng 7 năm 2014. Sau khi kết hôn chị T và anh Th chung sống với nhau tại Cộng hòa liên bang Đức. Trong thời gian chung sống chị T và anh Th đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên vợ chồng mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Huy Th.

Về con chung: Chị T trình bày không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin ly hôn và đơn đề nghị gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng (có chứng nhận của đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức) bị đơn anh Trần Huy Th trình bày thống nhất với chị Trịnh Thị T về quá trình kết hôn, lý do xin ly hôn, con chung và tài sản chung.

Do anh Th ở nước ngoài nên theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa chị T và anh Th vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trịnh Thị T và anh Trần Huy Th kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 03 tháng 7 năm 2014 theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 103 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Trịnh Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn, anh Trần Huy Th hiện đang cư trú ở nước ngoài nên theo khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Trịnh Thị T và anh Trần Huy Th vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh Th.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, chị T và anh Th chung sống với nhau một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính cách và quan điểm sống không phù hợp, cả hai đều không thông cảm và không có biện pháp khắc phục những mâu thuẫn để hòa hợp với nhau. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Th đã thực sự không còn yêu thương nhau, không có khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị T và anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn là chính đáng. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Chị T và anh Th không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Trịnh Thị T và anh Trần Huy Th được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị T và anh Trần Huy Th được ly hôn.

2. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0010710 ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Trịnh Thị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị T và anh Trần Huy Th và được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Sở Tư pháp;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Ngọc Dũng